



www.arena-multimedia.vn

ARENA MULTIMEDIA

DESIGN CONCEPT FOR WEB

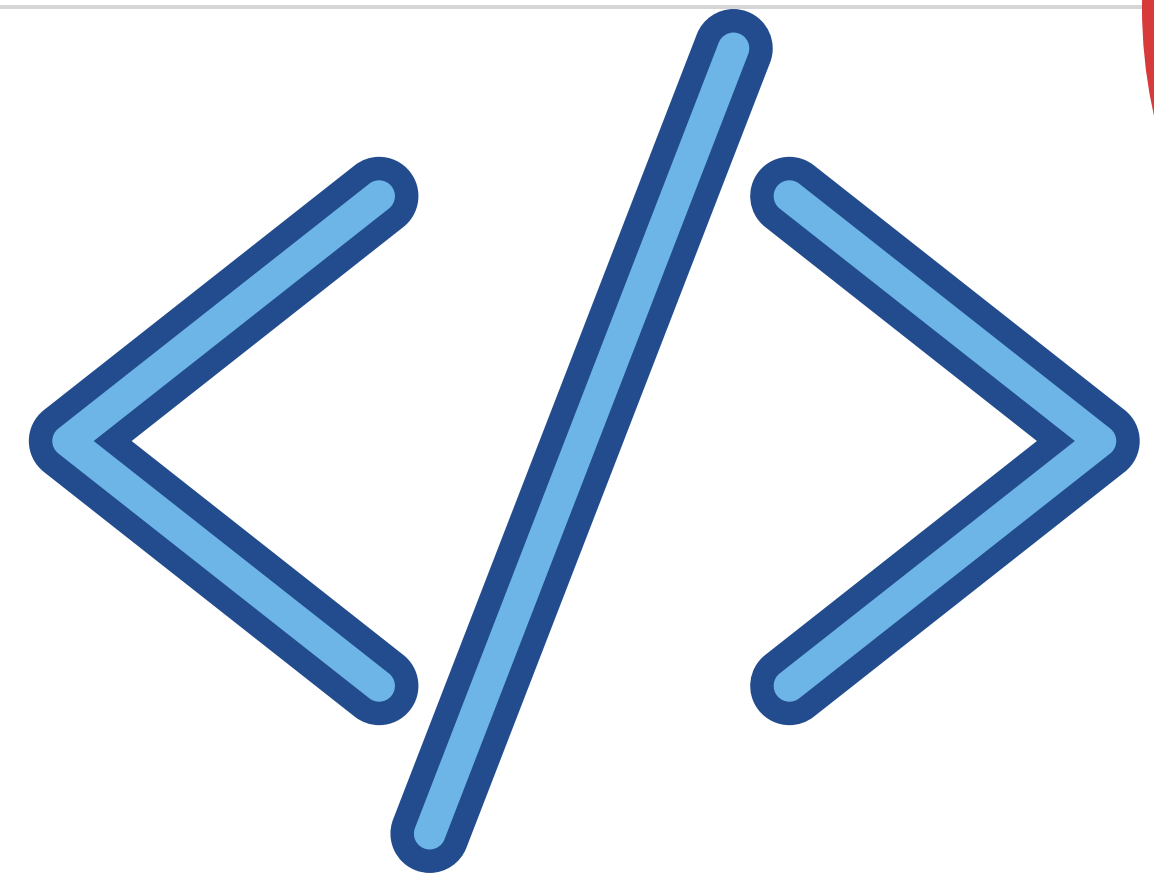
HTML + CSS

FC ĐOÀN THANH TÂN

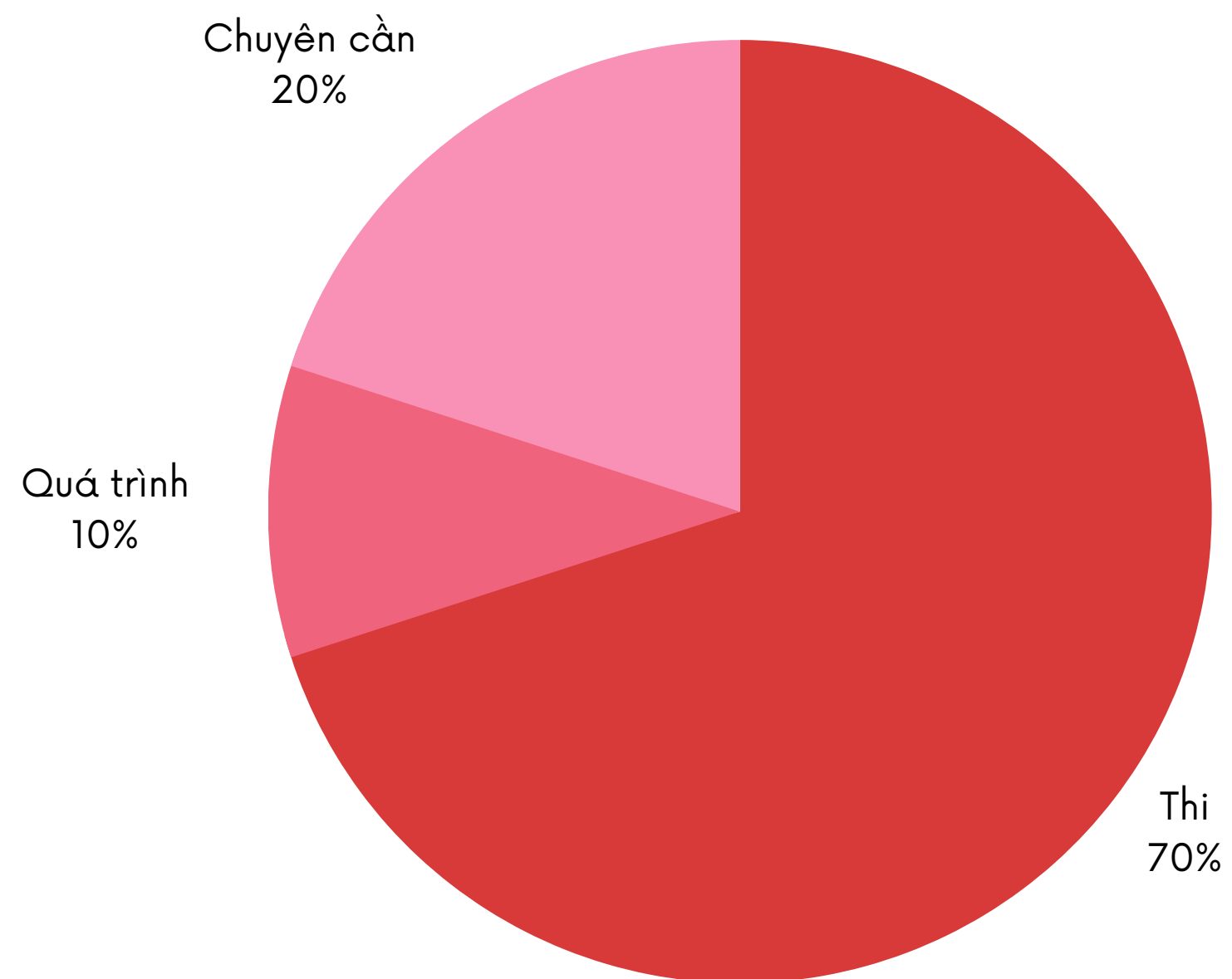
INFO: 0911119493 - [HTTPS://WWW.FACEBOOK.COM/TAN.DOAN.CS](https://www.facebook.com/tan.doan.cs)

“Nhà giáo không phải là người nhồi nhét kiến thức mà đó là công việc của người khơi dậy ngọn lửa cho tâm hồn” - Uyliam Batơ Dit

Môn này học gì đây



Gét gô
→



Cách tính điểm

Học là quá trình đạt được sự hiểu biết, kiến thức, hành vi, kỹ năng, giá trị, thái độ và sở thích mới

NỘI DUNG MÔN HỌC



\$1 - TỔNG QUAN

tổng quan học kỳ 2,
web design, nghề
nghề nghiệp



\$2

HTML



\$3

CSS



\$4

Layout web page final



HTML

&

CSS

BÀI 1

Học kỳ 2

TỔNG QUAN CHƯƠNG TRÌNH

LEARNING OUTCOME

CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

WEB DESIGN

PHẦN MỀM & THƯ VIỆN/NỀN TẢNG

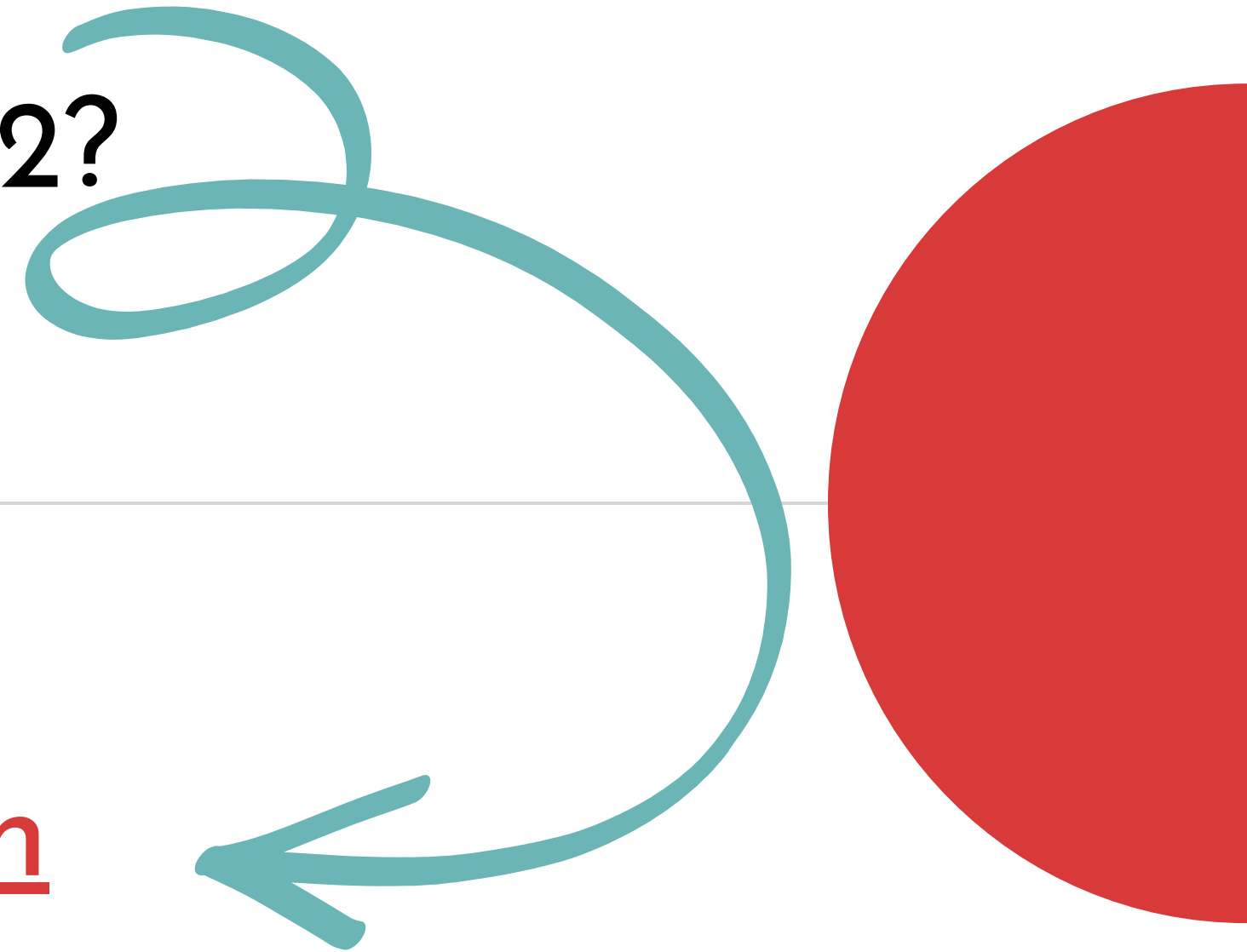


Tổng quan chương trình

Khung chương trình HK2

Hướng làm đồ án/project của hk2?

Mobile design/Web Design



Learning Outcome

CHUẨN BỊ

Kiến thức + Kỹ năng

MỤC TIÊU

Đạt được kiến thức nền tảng cho Thiết kế Web & App

KẾT QUẢ

- Thiết kế Web: Tạo Layout Web hoàn chỉnh sử dụng HTML+CSS+JS
- Thiết kế App: demo app thực tế trên điện thoại



Cơ hội nghề nghiệp

Web design

Web Coder/Developer

Mobile App/Games

Website Admin

Phân biệt
một số
ngành
nghề



WEB DESIGN



WEB DEVELOPER



CODER (WEB)



Web design

Xây dựng giao diện (layout)
website một cách hoàn hảo và
chuyên nghiệp

Các ngôn ngữ lập trình

môn này chỉ học nhập môn HTML&CSS

HTML

HyperText Markup Language

CSS

Cascading Style Sheets

JAVASCRIPT

Ngôn ngữ lập trình kịch bản (script)



Phần mềm & Thư viện/Nền tảng

môn này thực hành với Visual studio code nhé

- Phần mềm: Phần mềm soạn thảo (Editor), Phần mềm ứng dụng (aplication/web)
- Thư viện/Nền tảng (Framework)



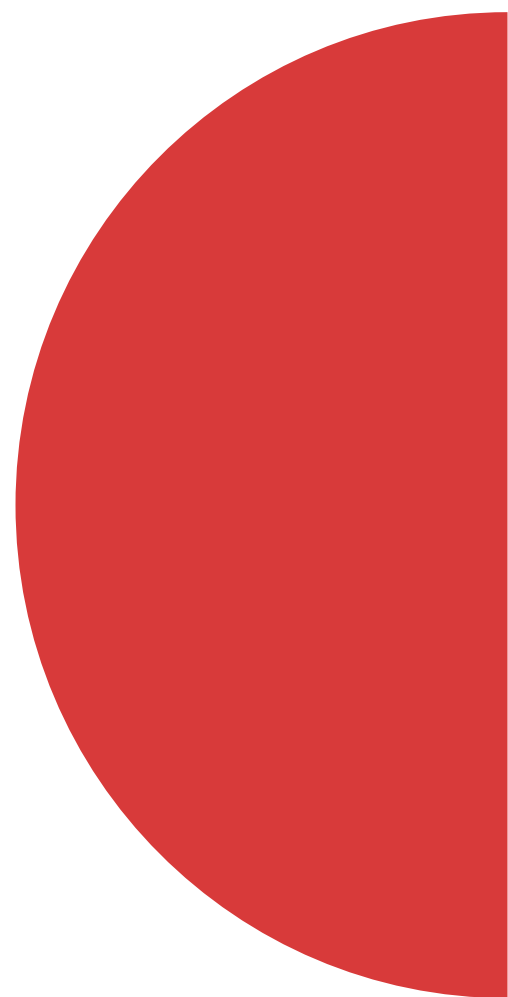
Editor

Visual studio code, Sublime text,
Notepad++, Dreamweaver (CS6)



Application/Web

- LocalWP
- Figma, Adobe XD, Skeetch;
- Buildbox Classic;
- Git, Github

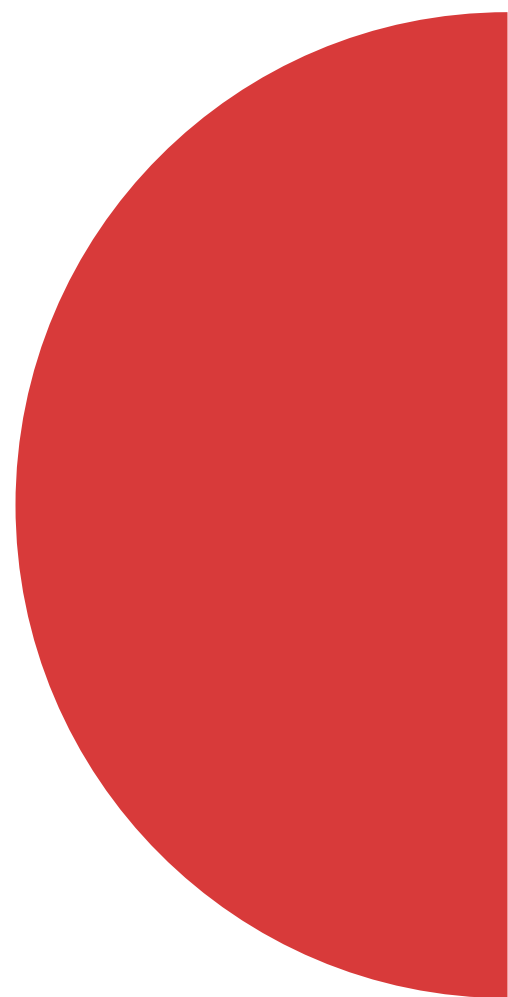


Thư viện/Nền tảng (Framework)

jQuery

Bootstrap

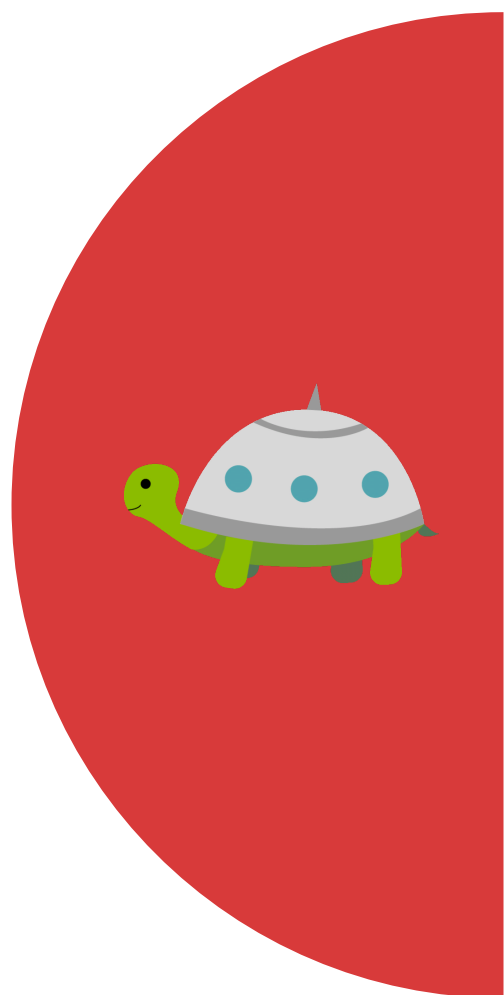
Owl carousel, Wow animation



Xác định hướng web nên tìm hiểu

Frameworks: node.js, angularJS, vue.js

Thư viện: bootstrap, react



Thời gian là vô giá

Đừng phí thời gian cho những việc vô ích, thế giới công nghệ có rất nhiều thứ để chúng ta khám phá

Ngôn ngữ lập trình: python, java, go, ruby, c, c++, c#, dot net, f#, scratch, matlab, R, SQL,...

Database Management System (DBMS): SQLServer, Oracle, MySQL, MariaDB, PostgreSQL, mongoDB, GraphQL, SQLite, Firebase,...

Thư viện/Framwork: google app script, dhtmlx, chartJS, Dart, NFT, blockchain,...

Chúng ta có thể chỉ là những con Rùa đi ngược



BÀI 2

HTML

html là gì?

Các thẻ (tag) html

Tạo layout đơn giản



html là gì?

- **HTML**: **H**yper**T**ext **M**arkup **L**anguage -
Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản
- Mô tả HTML công khai đầu tiên 1991. -
Theo <https://vi.wikipedia.org/>



html là gì?

Phát triển bởi
Tim Berners-Lee





html là gì?

XHTML: e**X**tensible **H**yper**T**ext **M**arkup **L**anguage -

Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng



html là gì?


XML: e**X**tensible **M**arkup **L**anguage - Ngôn ngữ
đánh dấu mở rộng

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?>

html là gì?

Cấu trúc

đuôi file .html






```
test.html x
test.html > html
1  <!DOCTYPE html>
2  <html lang="en">
3  <head>
4      <meta charset="UTF-8">
5      <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">
6      <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
7      <title>Document</title>
8  </head>
9  <body>
10
11 </body>
12 </html>
```



html là gì?

Soạn thảo và chạy file .html

- Sử dụng soạn thảo code như Visual studio code và tạo file .html.
- Mở file bằng trình duyệt.   

HTML LÀ GÌ?

Thành phần
(của phần tử -
elements)



TAGS - THẺ



ATTRIBUTES - THUỘC TÍNH



CONTENT - NỘI DUNG

Tags - Các thẻ

Cấu trúc:

```
<tagname [attributename="value"]>  
    content here  
</tagname>
```

ex: <h1 class="intro">Đây là header 1</h1>

Tags - Các thẻ

Các tag cơ bản:

- Tag định dạng: ``, `<u>`, `<i>`,...
- Tag danh sách: ``, ``, ``,...
- Tag cơ bản khác: `<table>`, `<image>`, ...

Tags - Các thẻ

Các thuộc tính (**attribute**) cơ bản của tag:

- id, class, style
- name, charset,...

*Tùy thuộc vào mỗi thẻ sẽ có thêm các **attribute** khác*

Tags - Các thẻ

content

thường là **nội dung** hiển thị trên trang web (web page)

Tags - Các thẻ

Thẻ div, span

thẻ div (block) thường sử dụng để tạo layout trang web

thẻ span (inline) thường sử dụng để trang trí thêm cho nội dung của element



Thực hành

Nội dung:

Tạo layout cơ bản sử dụng html



BÀI 3

CSS

- CSS là gì? Tại sao CSS?
- Cú pháp CSS
- Khai báo & Sử dụng
- Các simple selectors: tên phần tử html, id, class
- Các thuộc tính CSS



CSS là gì?

Xây dựng



trang trí nội thất

làm đẹp



make-up

web design



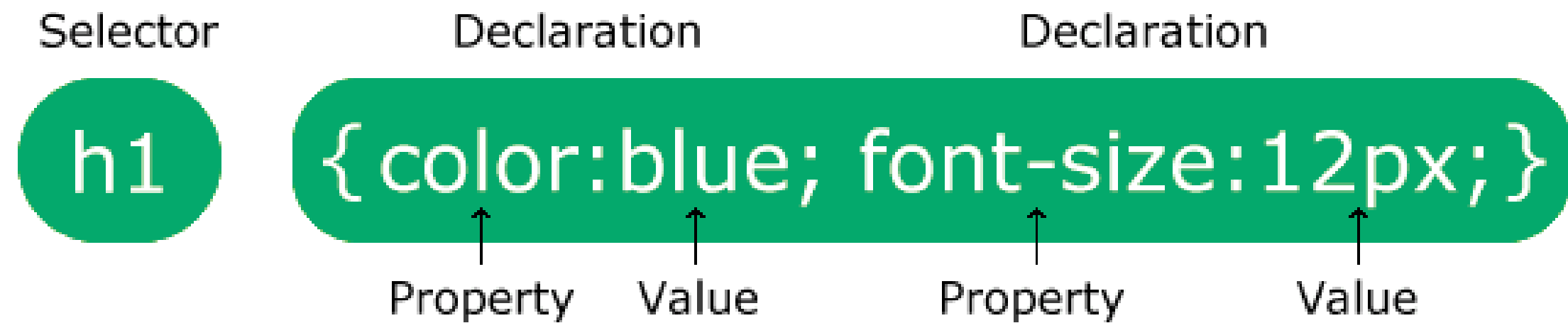
CSS



tại sao CSS?

- Mọi hệ điều hành - mọi thiết bị
- Mọi trình duyệt web
- Rất nhiều thuộc tính
- Tái sử dụng

Cú pháp



nguồn: [w3schools.com](https://www.w3schools.com)



Khai báo CSS

1. External CSS: Sử dụng file bên ngoài thêm vào html
2. Internal CSS: Thêm vào file html trong thẻ <head>
3. Inline CSS: Thêm trực tiếp vào thẻ html

khai báo css nhằm mục đích áp dụng css cho file .html



Đơn vị (Units)

Nhiều loại đơn vị tính trong CSS.

Có thể chia 2 loại: tương đối (Relative) & tuyệt đối (Absolute)

- **Tuyệt đối:** in, cm, mm, pt, px, pc.

$$1\text{in} = 2.54\text{cm} = 254\text{mm} = 72\text{pt} = 96\text{px} = 6\text{pc}$$

- **Tương đối:** rem, em, %, vw, vh, ex, ch, vmin, vmax

1. External CSS

- Tạo 1 file .css bên ngoài file .html
- Sử dụng phần tử link để khai báo vào file .html:

`<link rel="stylesheet" href="mystyle.css">`

2. Internal CSS

- Khai báo trong phần tử head của file .html
- Sử dụng phần tử style để chứa mã CSS

```
<style>  
    // css here  
</style>
```

3. Inline CSS

- Khai báo trong phần tử cụ thể của file .html
- Sử dụng attribute style:

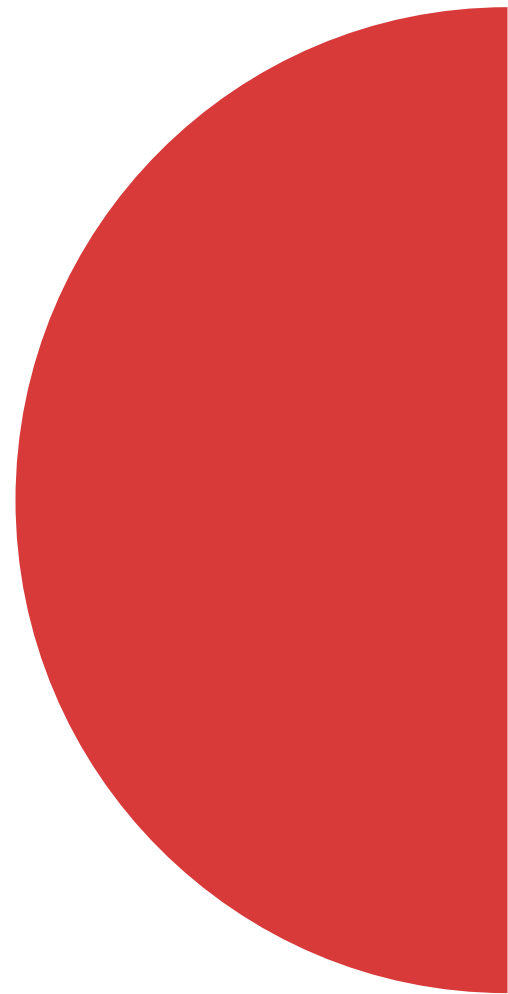
```
<tagname style="CSS here">content</tagname>
```



Sử dụng CSS

- Inline CSS: đã áp dụng CSS vào phần tử đã khai báo
- External, Internal: Sử dụng attribute class/id để áp dụng mã CSS vào trong phần tử

Tùy thuộc vào mã CSS đã khai báo dạng class hay id mà sử dụng attribute class hay id phù hợp



Selector CSS

- Các mã CSS có dạng: id, class, tên phần tử html được gọi là simple selectors.
- Ngoài ra, còn có các dạng selector: combinator selectors, pseudo-class selectors, pseudo-elements selectors, attribute selectors.

chúng ta chỉ học simple selectors



Trường hợp CSS khai báo là phần tử html

*Áp dụng cho phần tử
html, body*

ex:

```
html, body{  
    width: 100%;  
    height: 100%;  
    border: 0;  
    padding: 0;  
    box-sizing: border-box;  
}
```



Simple Selectors

Có 3 dạng simple selector:

- ELEMENT (HTML)
- ID
- CLASS

Element (HTML)

- Sử dụng tên element của html
- Áp dụng cho toàn bộ element đã khai báo lên trang web như element html, body, table, div,...



Element (HTML)

- Khai báo dạng External, Internal. Dạng Inline không áp dụng.
- Cú pháp: `element { // css here }`

➔ Thay đổi toàn cục

Element (HTML)

ex:

```
p {  
  border: 1px solid ■red;  
  color: ■red;  
}
```

Ảnh hưởng toàn bộ element p (trừ trường hợp đặc biệt)

ID

Khai báo dạng External, Internal. Dạng Inline không áp dụng.

Cú pháp: `#idname { // css here }`

*Trong đó: **idname** là tên id được đặt bởi người tạo*

ID

ex:

```
#wrapper {  
  border: 1px solid blue;  
  background-color: aqua;  
  color: red;  
}
```

Lưu ý: ký tự "#" phải khai báo để xác định là id



CLASS




Khai báo dạng External, Internal. Dạng Inline không áp dụng.

Cú pháp: `.classname { // css here }`

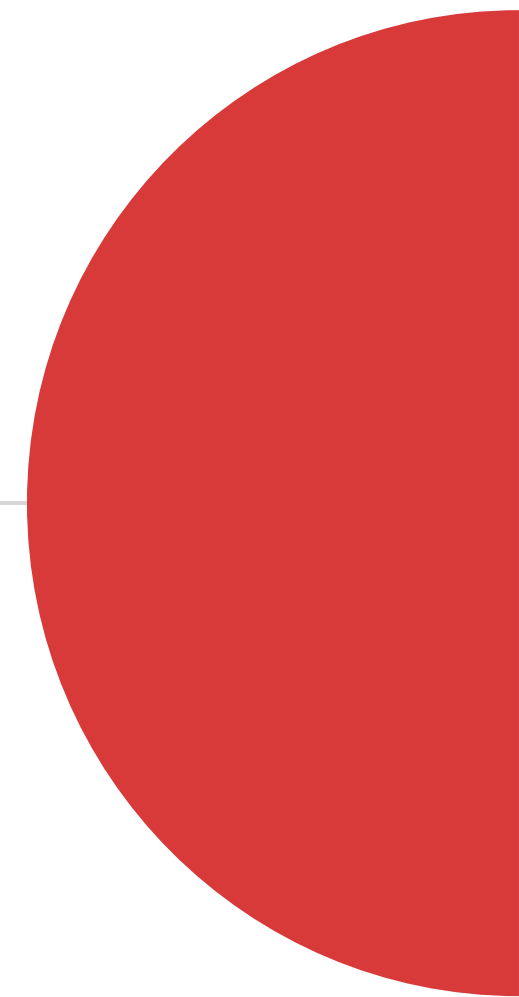
Trong đó: `classname` là tên class được đặt bởi người tạo

CLASS

ex:

```
.box {  
  border: 1px solid  blue;  
  background-color:  aqua;  
  color:  red;  
}
```

Lưu ý: ký tự "." phải khai báo để xác định là class



Sự khác nhau?



ID



CLASS

Đây là sự khác nhau

ID

ĐỊNH DANH

=> Sử dụng 1 lần trong 1 file .html để xác định đối tượng cụ thể

CLASS

CHỈ ĐỊNH

=> Tái sử dụng trong file .html

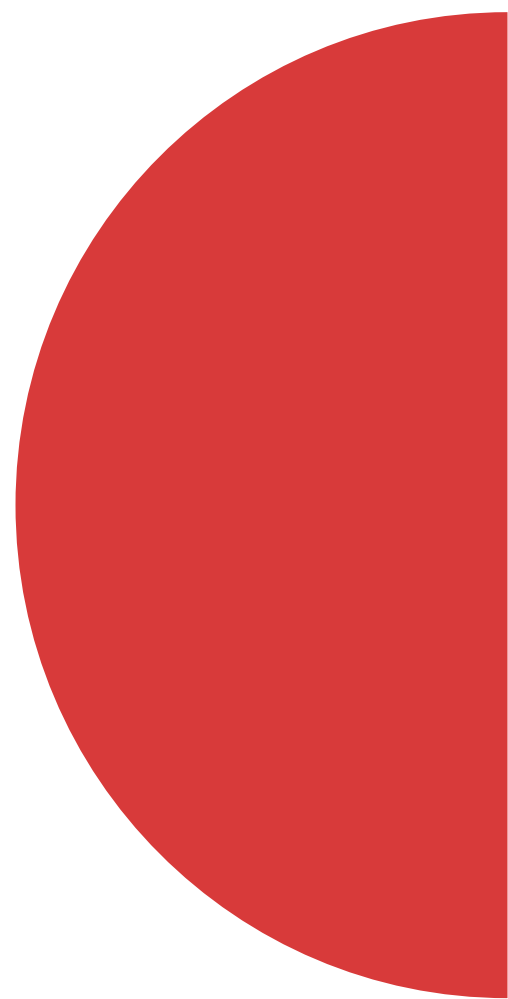


Các thuộc tính (properties) CSS

Cú pháp: **propertyname**: "value"

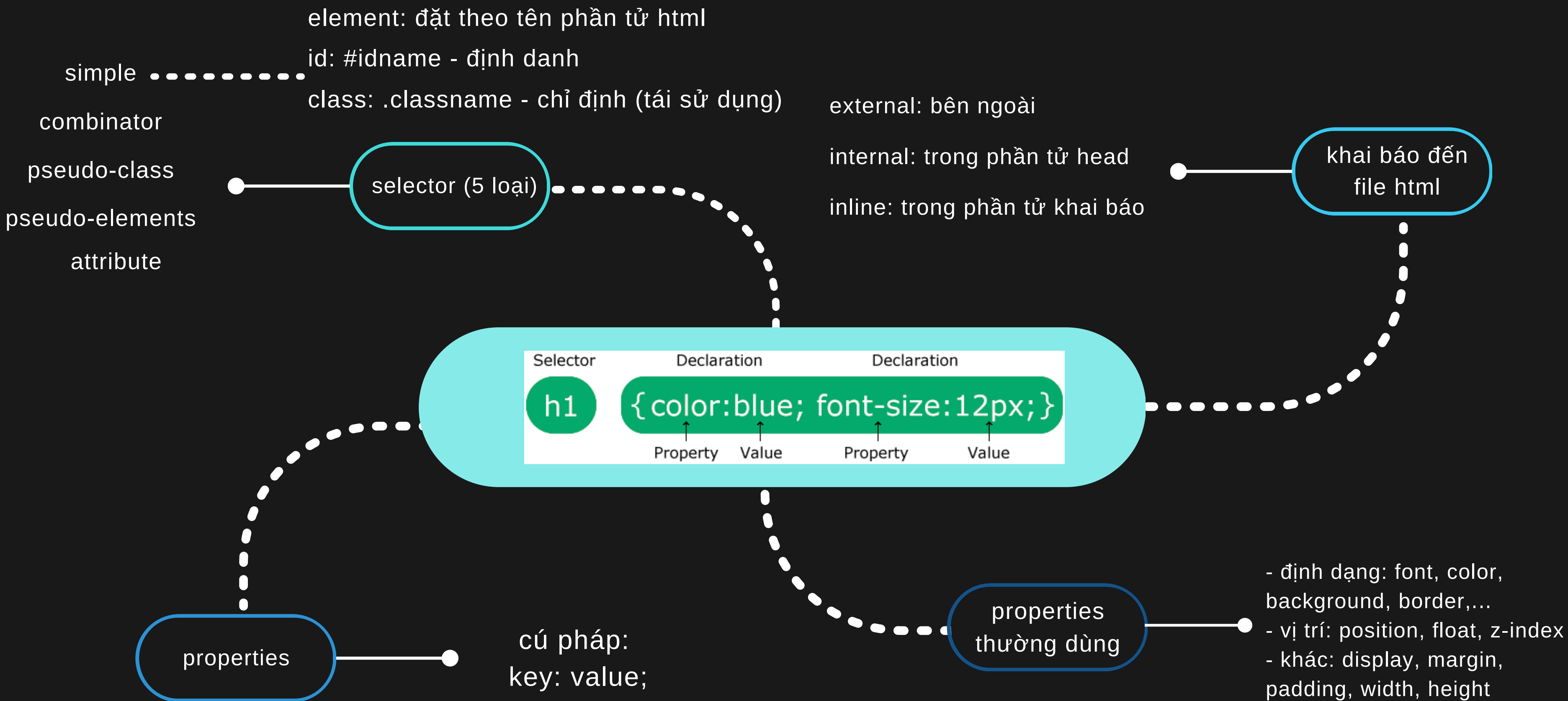
ex: font-size: "13px";

Thuộc tính mang cặp key: value, trong đó key là tên, value là giá trị của thuộc tính.



Vài thuộc tính thông dụng

- Định dạng: font, font-size, font-family, color, background, border,...
- Vị trí: position, float, z-index
- Khác: display, margin, padding, width, height,...





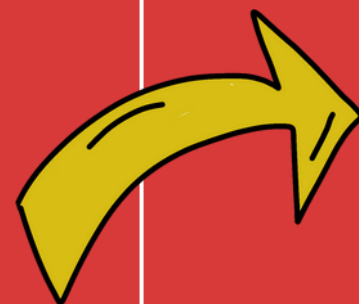
Thực hành

Kết hợp HTML + CSS để tạo layout đơn giản

BÀI 4

LAYOUT

Thực hành kết hợp HTML +
CSS để tạo các layout trang
web (web page)



Nộp project Website

Anh

- <https://www.w3schools.com/>
- <https://developer.mozilla.org/>
- <https://html.com/>
- <https://stackoverflow.com/>
- <https://www.freecodecamp.org/>

Việt

- <https://hocwebchuan.com/>
- <https://fullstack.edu.vn/>
- <https://webcoban.vn/>
- <https://viblo.asia/>
- <https://toidicode.com/>



Giáo dục là vũ khí mạnh
nhất mà người ta có thể sử
dụng để thay đổi cả thế
giới. - N.Mandela



THANK YOU

THE END